

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 171/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 275/BC-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030. Đối tượng áp dụng giải bản là tàu cá đã được đăng ký theo quy định của pháp luật, bảo đảm xác định được chủ sở hữu và nguồn gốc tàu.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá có hộ khẩu thường trú và đăng ký tàu cá tại tỉnh Đắk Lắk không có nhu cầu tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản trên biển.
- Thành viên hộ gia đình chủ sở hữu tàu cá có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân.
- Thuyền viên trên tàu cá thực hiện giải bản.

d) Các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng đối tượng.

2. Trường hợp có sự trùng lặp về nội dung chính sách hỗ trợ từ các chính sách khác nhau thì tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất và chỉ được hỗ trợ một lần cho một nội dung chính sách.

3. Hỗ trợ một lần, ưu tiên trong xét duyệt hồ sơ hỗ trợ cho các hộ hành nghề lâu năm, hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tiêu chí xác định “hành nghề lâu năm” áp dụng đối với các hộ có thời gian hoạt động khai thác thủy sản từ 10 năm trở lên có đăng ký hoạt động.

4. Các tổ chức, cá nhân sở hữu nhiều tàu cá đủ điều kiện được hỗ trợ giải bản thì thực hiện hỗ trợ đối với tất cả tàu cá đủ điều kiện.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tàu cá hoạt động khai thác thủy sản có nguồn gốc rõ ràng, được xác định trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hợp pháp.

b) Tàu cá không có tranh chấp về quyền sở hữu tàu cá; tàu cá không đang là tài sản bảo đảm thế chấp tại các tổ chức tín dụng; tàu cá không thuộc kê biên thi hành án.

c) Tàu cá phải được giải bản trước thời gian cơ quan có thẩm quyền tổ chức nghiệm thu hỗ trợ và toàn bộ thân vỏ, máy chính còn tại hiện trường.

d) Không áp dụng hỗ trợ đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất (L_{max}) dưới 06 mét.

2. Mức hỗ trợ kinh phí

Hỗ trợ một lần đối với tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá thực hiện giải bản tàu cá với mức hỗ trợ bằng 70% giá trị tàu cá theo Chứng thư thẩm định giá do tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ việc xác định mức hỗ trợ giải bản theo nghị quyết này, tại thời điểm thực hiện giải bản, nhưng không vượt quá mức hỗ trợ tối đa theo từng nhóm chiều dài tàu cá như sau:

Tàu cá có chiều dài lớn nhất (L_{max}) từ 6 mét đến dưới 12 mét: 50.000.000 đồng/tàu.

Tàu cá có chiều dài lớn nhất (L_{max}) từ 12 mét đến dưới 15 mét: 100.000.000 đồng/tàu.

Tàu cá có chiều dài lớn nhất (L_{max}) từ 15 mét trở lên: 200.000.000 đồng/tàu.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ ổn định đời sống hộ gia đình chủ sở hữu tàu cá bị giải bản

1. Điều kiện hỗ trợ

Thành viên hộ gia đình chủ sở hữu tàu cá có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân, là người không có nguồn thu nhập riêng và sinh sống chủ yếu phụ thuộc vào

thu nhập từ hoạt động khai thác thủy sản của tàu cá được giải bản (bao gồm người chưa đến tuổi lao động, người cao tuổi hoặc người không có khả năng lao động).

2. Mức hỗ trợ kinh phí

Hỗ trợ bằng tiền tương đương 30 kg gạo/người/tháng, quy đổi thành tiền theo mức 15.000 đồng/kg. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ diễn biến giá cả thị trường (tăng hoặc giảm) và khả năng cân đối ngân sách địa phương, chỉ đạo cơ quan chuyên môn định kỳ rà soát, xác định mức giá gạo làm căn cứ quy đổi thành tiền là giá gạo bình quân tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm thực hiện chính sách hỗ trợ.

Thời gian hỗ trợ: 12 tháng.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Cá nhân có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú xác nhận trực tiếp tham gia hoạt động khai thác thủy sản trên biển với tư cách là chủ sở hữu tàu cá hoặc thuyền viên làm việc trên tàu cá thuộc diện thực hiện giải bản tại thời điểm giải bản tàu cá và có nguồn thu nhập chính từ hoạt động khai thác thủy sản trên tàu cá thực hiện giải bản; có tên trong Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá do cơ quan quản lý Nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp (đối với thuyền viên); đồng thời có văn bản cam kết không tiếp tục tham gia các nghề khai thác thủy sản thuộc nhóm nghề gây ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi thủy sản, môi trường và hệ sinh thái, nghề thuộc danh mục hạn chế phát triển hoặc bị cấm theo quy định của pháp luật và thực hiện chuyển đổi sang nghề khai thác thân thiện với môi trường hoặc ngành nghề khác phù hợp.

b) Việc hỗ trợ chỉ áp dụng đối với các trường hợp tham gia đào tạo nghề và được các cơ sở đào tạo nghề cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học sau thời điểm tàu cá được giải bản.

2. Mức hỗ trợ kinh phí

Mức hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn và tiền đi lại thực hiện theo Quyết định số 053/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định Danh mục nghề, mức chi hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Trường hợp đối tượng thụ hưởng chính sách theo nghị quyết này không thuộc các nhóm đối tượng quy định tại Quyết định số 053/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 thì áp dụng mức hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 3 Quyết định số 053/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2026.

2. Chính sách hỗ trợ quy định tại nghị quyết này được thực hiện đối với các trường hợp đủ điều kiện phát sinh kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An